TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU - TP ĐÀ NẴNG ---------- Bản án số: 141/2023/HSST Ngày: 12/12/2023	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU - TP ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Thanh Hùng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Cơ

Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Dung - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát quận L, thành phố Đà Nẵng ***tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thanh L - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 135/2023/TLST - HS ngày 13 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST- HS ngày 03 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2023/HSST- QĐ ngày 29 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn C (Tên gọi khác: không), sinh ngày: 01/5/1968 tại Đà Nẵng; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn A, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Nhân viên quản lý; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: N (chết) và bà: Lâm Thị T (sinh năm 1942; Vợ: Đoàn Thị T1 (sinh năm: 1972). Bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không;

Hiện bị cáo đang bị cáo áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

Bị hại: **Công ty cổ phần Đ**; địa chỉ: 4 D, Phường F, quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Hồng P**, sinh năm 1965. Địa chỉ: Số G đường N, quận L, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông **Hồ Thanh V**, sinh năm 1980; địa chỉ: 4 đường H, tổ A phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

- Ông **Đoàn Văn D**, sinh năm 1989; địa chỉ: 3 đường B, tổ P, quận T, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

- Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1989; địa chỉ: 6 đường P, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

- Ông **Phạm Văn L1**, sinh năm 1989; địa chỉ: tổ A phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 30/6/2020, Công ty Cổ phần Đ (trụ sở chính tại 4 D, Phường F, quận G, thành phố Hồ Chí Minh) ký kết hợp đồng thuê kho số 01C tại tổ N đường H, phường H (gọi là kho số 27, kho này có khoảng 20 gian kho nhỏ) với Công ty CP V1 (địa chỉ tại số A đường H, phường H, quận L, do ông Trần Quý H1 làm Chủ tịch HĐQT) để làm kho chứa hàng của Công ty Đ1, thời gian thuê từ ngày 15/7/2020 đến hết ngày 14/7/2023. Sau đó, Công ty CP V1 ủy quyền cho Công ty TNHH T3 (là Công ty thành viên của Công ty CP V1), do ông Trần Quý H1 là Chủ tịch Công ty ký lại hợp đồng thuê kho số 01C với Công ty Đ1, từ ngày 15/10/2021 đến hết ngày 14/7/2023, Công ty Đ1 phân công ông Lê Hồng P (sinh năm 1965, trú tại phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội) làm quản lý, trông giữ tài sản tại gian kho số 01C của Công ty. Công ty TNHH T3 hợp đồng với ông T2 làm quản lý kho số 27, đến ngày 15/4/2022, Công ty T3 hợp đồng với Nguyễn C (sinh năm 1968, trú xã H, huyện H) làm quản lý kho số 27; nhiệm vụ của ông T2 và sau này là C như sau:

Ghi chỉ số tiêu thụ điện của toàn bộ khách hàng đang thuê kho trong khu vực kho số 27, sau đó báo lại cho Chủ tịch Công ty T3; Thu thập và phản ánh của khách hàng thuê kho về những sự cố thường xuyên như tình trạng thấm dột, ngập nước, mất điện,… sau đó báo lại Chủ tịch Công ty T3 để xử lý; Giao nhận thư tin gửi đến cho Công ty CP V1; Nhắc nhở khách hàng kho về việc giữ gìn vệ sinh môi trường, an toàn PCCC và an toàn điện. Ngoài ra, C không thực hiện công việc bảo vệ kho số 27, công tác bảo vệ được Công ty T3 thuê dịch vụ bảo vệ.

Tháng 4/2022, Công ty Đ2 máy pha sơn về kho 01C, do kho chật chổ nên ông P đã đưa 03 máy pha sơn của Công ty Đ3 kho số 14 để nhờ (gian kho này chưa có ai thuê), ông P có nói cho ông T2 biết và được ông T2 đồng ý; cho đến ngày 15/4/2022, khi C nhận nhiệm vụ quản lý tại kho số 27, vì ông P không biết C thay thế cho ông T2 nên ông P không nói gì về 03 máy pha sơn đang gửi tại gian kho số 14 cho C biết.

Đến cuối tháng 7/2022, gian kho của Công ty Đ1 bị cháy (riêng 03 máy pha sơn để tại gian kho số 14 không bị ảnh hưởng) nên Công ty Đ4 ngưng hoạt động và không sử dụng gian kho này nữa. Sau khi Công ty Đ5 đi nơi khác, đến đầu tháng 11/2022, gian kho số 14 được Công ty TNHH H2 thuê để chứa hàng và phân công anh Đoàn Văn D (sinh năm 1989, tạm trú tại phường V, quận T) quản lý gian kho số 14. Khi C bàn giao gian kho số 14 cho Công ty TNHH H2 thì thấy trong kho này có 03 máy pha sơn đã để ở đây từ trước, vì không ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty H2 nên anh D khi đến nhận bàn giao cũng không có ý kiến gì. Đầu tháng 12/2022, ông P đến gian kho số 14 và nói với anh D cho để nhờ 03 máy pha sơn trên, do không ảnh hưởng đến hoạt động của kho nên anh D đồng ý (giữa ông P và anh D không phát sinh hợp đồng gửi giữ tài sản, anh D chỉ đồng ý cho ông P để nhờ tài sản chứ không có trách nhiệm quản lý hay bảo vệ tài sản). Đến cuối tháng 12/2022, C đi kiểm tra các gian kho thì thấy 03 máy pha sơn vẫn còn để ở gian kho số 14. Cảnh nghĩ 03 máy pha sơn đang để ở gian kho số 14 là phế liệu của công ty nào bỏ lại nên đã liên lạc với anh Hồ Thanh V (sinh năm 1980, trú Tổ A, phường H, là người mua bán phế liệu) để bán 03 máy pha sơn này. Sau đó, anh V cùng 03 người đến gian kho số 14 gặp ông C để chở 03 máy pha sơn đi (03 máy pha sơn được C bán với giá 3.000.000 đồng). Lúc C cùng những người đi cùng anh V chở 03 máy pha sơn đi thì ông C không nói gì với anh D và anh Nguyễn Văn H (sinh năm 1989, trú phường H, là người trông coi gian kho số 14 cùng với anh D) đang có mặt tại đây; anh D và anh H cũng không hỏi han gì về việc làm của C. Đến giữa tháng 02/2023, ông P đến gian kho số 14 thì không thấy 03 máy pha sơn nên hỏi anh D thì anh D trả lời 03 máy pha sơn đã được C gọi người đến chở đi. Ông P đã liên lạc với C nhưng ông C nói không biết gì về 03 máy pha sơn mà ông P nói (sau này C mới biết 03 máy pha sơn mà C đã bán là của Công ty Đ1). Sau đó, ông P đã báo lại Công ty Đ1 và trình báo sự việc đến Công an phường H. Công an phường H đã tiếp nhận và chuyển nguồn tin cho Cơ quan CSĐT Công an quận L thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Kết luận định giá tài sản số 71/KL-HĐĐGTS ngày 30/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận L kết luận: tổng giá trị định giá tài sản bị chiếm đoạt là 108.855.000 đồng (một trăm lẻ tám triệu tám trăm năm mươi lăm triệu đồng).

Về dân sự: Tổng số tiền thiệt hại là 108.855.000 đồng. Đại diện bị hại đã nhận tiền bồi thường 60.000.000 đồng, số tiền còn lại 48.000.000 đồn, bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại bản cáo trạng số: 134/CT-VKS, ngày 03/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng đã truy tố Nguyễn Cảnh về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn C về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng số: 134/CT-VKS, ngày 03/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 65 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn C mức án từ 18 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 đến 48 tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[**1**] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[**2**] *Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy:* Lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cũng như các tài liệu, chứng cứ khác mà Cơ quan điều tra đã thu thập có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Vào đầu tháng 12/2022, ông Lê Hồng P thuộc Công ty Đ1 có nói với anh Đoàn Văn D thuộc Công ty H2 cho để nhờ 03 bộ máy pha sơn của Công ty Đ1

tại gian kho mà Công ty anh D đang thuê tại tổ N đường H, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng thì anh D đồng ý; giữa ông P và anh D không phát sinh hợp đồng gửi giữ tài sản, anh D đồng ý cho ông P đề nhờ tài sản chứ anh D không có trách nhiệm quản lý hay bảo vệ tài sản mà ông P gửi (ông Phương t thoảng có đến kiểm tra tài sản đang gửi tại gian kho của anh D). Đến cuối tháng 12/2022, Nguyễn C dù biết 03 bộ máy pha sơn đang để tại gian kho của anh D là tài sản có chủ sở hữu nhưng C đã thuê người vào chở 03 bộ máy pha sơn đi bán với giá 3.000.000 đồng trước sự chứng kiến của anh D (C biết số tài sản này không phải của Công ty anh D); khi bán 03 bộ máy pha sơn C không thông báo cho chủ sở hữu hay người quản lý hợp pháp đối với tài sản biết. Tài sản bị chiếm đoạt có giá trị định giá là 108.855.000 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội *"Trộm cắp tài sản"* theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự như bản Cáo trạng số: 134/KSĐT, ngày 03/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của tổ chức được pháp luật bảo vệ, bị cáo lợi dụng lúc bị hại Công ty Cổ phần Đ để tài sản tại kho số 01C tại tổ N đường H, phường H không có người trông coi, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại. Bị cáo là người trực tiếp trộm cắp tài sản, bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với lỗi cố ý trực tiếp. Nên bị cáo phải chịu toàn bộ trách nhiệm do hành vi của bị cáo gây ra. Hành vi của bị cáo gây ra ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự và gây tâm lý bất an cho người dân, tổ chức tạ địa phương, điều đó chứng tỏ bị cáo coi thường pháp luật. Vì vậy Hội đồng xét xử, cần phải áp dụng một hình phạt thật nghiêm khắc để giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng nghừa chung cho xã hội.

[**3**] *Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo*: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại và bị hại có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có có tiền án tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét thấy, bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử bị cáo ở khung hình phạt liền kề nhẹ hơn cũng thỏa đáng. Hội đồng xét xét thấy: Chưa cần các ly các bị cáo ra khỏi xã hội một mà áp dụng điều 65 Bộ luật hình sự,

cho bị cáo Nguyễn C được hưởng án treo đồng thời giao các bị cáo về địa phương nơi các bị cáo cư trú, để giáo dục các bị báo trong thời gian thử thách cũng đủ giáo dục riêng đối với bị cáo và đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung.

[**4**] *Về trách nhiệm dân sự*: Đại diện bị hại Công ty Cổ phần Đ đã nhận số tiền bồi thường 60.000.000 đồng, số tiền còn lại bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[**5**] *Về án phí*: Bị cáo Nguyễn C phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: *Bị cáo Nguyễn C phạm tội "Trộm cắp tài sản"*.

1. Căn cứ vào: Điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn C** 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 12.12.2023.

Giao bị cáo Nguyễn C về Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng để theo dõi, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

2. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Nguyễn C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000đồng *(Hai trăm nghìn đồng)*.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) trích sao bản án.

(Đã giải thích về chế định án treo cho bị cáo)

Nơi nhận:
- Viện KSND q. Liên Chiểu;
- Viện KSND TP. Đà Nẵng;
- Công an q. Liên Chiểu;
- Người tham gia tố tụng;
- Trại tạm giam CATPĐN;
- Chi cục THADS q . Liên Chiểu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Lưu hồ sơ;

Phạm Thanh Hùng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**